TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2023/DS-PT
Ngày: 06–9-2023
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Ngôn Ngọc Viên
Các Thẩm phán: Ông Dương Văn Sơn
Bà Doanh Thị Mây

- Thư ký phiên toà: Bà Ma Thị Huyên - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà: Bà Luyện Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2023/TLPT-DS ngày 06 tháng 5 năm 2023 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 76/2022/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 77/2023/QĐ-PT ngày 23 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* La Văn C (L)

Địa chỉ: Số nhà E, tổ E, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:*

1. Tô Đình N

Địa chỉ: Số nhà E, tổ E, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Có mặt

2. La Thị Hải C1

Địa chỉ: Số nhà E, tổ E, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Có mặt

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:* Luật sư Phùng Văn C2 và Luật sư Nguyễn Đắc T; Có mặt

Địa chỉ : Công ty L – Phòng 1602A, tòa nhà G, KĐT Hai bên đường L, xã A, huyện H, thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn:*

1. Trần Thị T1

2. Nguyễn Văn P

Cùng có địa chỉ tại: Tổ E, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Có mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân thành phố C. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Nguyễn Thị Hồng N1

Địa chỉ: Tổ E, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Lê Văn T2

2. Phan Thị Á

3. Triệu Thị N2

Cùng địa chỉ: Tổ E, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt có lý do.

4. Nguyễn Văn C3

Địa chỉ: Tổ G, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt có lý do.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn La Văn C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11 tháng 10 năm 2021 và các lời khai trong quá trình tố tụng, người được ủy quyền của nguyên đơn La Văn C là ông Tô Đình N và bà La Thị Hải C1 trình bày:

Ông La Văn C có thửa đất số 171, tờ bản đồ số 12 với diện tích 962m^2 được Ủy ban nhân dân tỉnh C giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 27271 ngày 01/12/1998.

Năm 1997 ông La Văn C có chuyển nhượng đất vườn đồi cho bà Trần Thị T1 với diện tích 200m^2. Đến năm 2007, bà Trần Thị T1 và chồng là Nguyễn Văn P là thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, với số thửa là 171a, tiếp giáp với thửa số 171.

Năm 2009, khi tiến hành xây dựng công trình " đường nối Quốc lộ 4ª với Quốc lộ C" (đường tránh thành phố C), nhà nước thu hồi 473,4m^2 đất (trong đố đất ở tại đô thị là 200m^2, đất trồng cây lâu năm 273,4m^2, diện tích còn lại là 488,6m^2 đất trồng cây lâu năm). Kiểm tra lại diện tích thực tế gia đình phát hiện thiếu hụt đất. Cụ thể qua tìm hiểu biết được đất của bà T1, ông P được cấp giấy chứng nhận là 290m^2, dôi dư so với diện tích chuyển nhượng 90m^2. Xác định bà T1, ông P lấn chiếm đất của gia đình nên đã làm đơn gửi đến tổ E phường H và Ủy ban nhân dân phường H để yêu cầu giải quyết. Trong các buổi hòa giải, bà T1 và ông P giải thích là ông La Văn C chuyển nhượng thêm diện tích 90m^2, tuy nhiên gia đình ông La Văn C không nhất trí với cách giải thích trên. Như vậy, tổng diện tích đất của ông La Văn C là 962m^2 – 473m^2 (nhà nước thu hồi), còn 488,6m^2 – 200m^2 (chuyển nhượng cho bà T1, ông P), còn lại 288,8 m^2. Qua đo đạc thực tế, diện tích hiện nay còn lại là 130,6m^2. Trong khi phần diện tích của bà

T1 ông P thừa 90m^2 so với giấy chuyển nhượng. Buổi hòa giải cơ sở không thành nên ông La Văn C viết đơn gửi Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng yêu cầu giải quyết với nội dung yêu cầu như sau:

- Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 669162 cấp ngày 15/10/2007 mang tên bà Trần Thị T1 và ông Nguyễn Văn P.

- Buộc bà Trần Thị T1 và ông Nguyễn Văn P trả lại diện tích đất là 90m2 đã lấn chiếm.

Tại bản tự khai ngày 20 tháng 01 năm 2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn Trần Thị T1 trình bày như sau:

Năm 1997 ông La Văn C có chuyển nhượng cho bà một mảnh đất với diện tích 200m^2, lúc mua chỉ áng chừng lấy sào đo, vì vậy diện tích thực tế là 290m^2. Sau khi mua xong, gia đình bà đã làm nhà từ năm 1997, ở từ đó cho đến nay. Năm 2021 có dự án mở đường thì mới phát sinh giữa nhà ông C và gia đình bà. Ông C đòi 90m^2 đất ở đằng sau chuồng lợn, bà không nhất trí vì thửa đất được ông La Văn C chuyển nhượng từ năm 1997, ghi ra các phía tiếp giáp: Phía đông giáp đất ông C ranh giới là hàng rào, phía Tây giáp đất ông Hà Doãn B có tường gạch ngăn cách, phía nam giáp đường làng, phía bắc giáp đường dân sinh. Thửa đất đã được cấp từ năm 2007 cho bà Trần Thị T1 và ông Nguyễn Văn P với diện tích 290m^2, ông La Văn C không có ý kiến gì trong cả quá trình sử dụng.

Tại bản tự khai ngày 20 tháng 01 năm 2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn Nguyễn Văn P trình bày: Nhất trí với ý kiến của bà Trần Thị T1, việc chuyển nhượng giữa hai bên không tiến hành đo đạc mà có mô tả tứ cận tiếp giáp thửa đất và đến nay không thay đổi. Đến năm 2007, cơ quan chuyên môn đến đo đạc và gia đình ông tiến hành kê khai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với thửa đất mua với ông C, thực tế đo đạc mới biết là 290m^2. Do đó, ông không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 24/01/2022, Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng gửi công văn đến Văn phòng Đ1 chi nhánh thành phố C đề nghị cung cấp hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị T1, ông Nguyễn Văn P và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông La Văn C.

Ngày 30/9/2022, Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng đã gửi toàn bộ giấy tờ trong bộ hồ sơ trên của bà Trần Thị T1, ông Nguyễn Văn P để hỏi Ủy ban nhân dân thành phố C về trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giải thích việc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Trần Thị T1, ông Nguyễn Văn P được cấp với diện tích 290m^2 năm 2007 nhưng đến năm 2011 mới nộp tiền lệ phí trước bạ với phần vượt trội so với giấy viết tay ban đầu là 90m^2.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Hồng N1 trình bày: Chị là con của ông Nguyễn Văn P, bà Trần Thị T1, thời điểm bố mẹ làm thủ tục đất đai, chị còn nhỏ. Chị có hộ khẩu thường trú tại Tổ E, phường H và sinh sống cùng bố mẹ, nhưng hiện tại chị đang là sinh viên, đi học tại Hà Nội. Tất cả mọi việc liên quan đến đất đai trong vụ án này đều do bố mẹ quyết định và đồng ý với ý kiến của bố mẹ, không nhất trí yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

Người làm chứng Triệu Thị N2 trình bày: Bà là hàng xóm của cả ông La Văn C và ông Nguyễn Văn P, bà Trần Thị T1. Bà có biết việc chuyển nhượng giữa hai bên nhưng không biết cụ thể, bà hy vọng hai bên thỏa thuận được với nhau để giữ tình cảm tình làng nghĩa xóm.

Người làm chứng Phan Thị Á trình bày: Bà là vợ của ông Hà Doãn B có đất tiếp giáp với đất ông Nguyễn Văn P, bà Trần Thị T1, hàng xóm của nguyên đơn, bị đơn. Bà có biết việc chuyển nhượng giữa hai bên nhưng không biết cụ thể, bà cũng hy vọng hai bên thỏa thuận được với nhau để giữ tình cảm tình làng nghĩa xóm. Bà xác nhận ranh giới giữa đất của nhà bà và nhà ông P, bà T1 từ trước đến nay không có thay đổi, vẫn ổn định và không có tranh chấp. Từ trước đến nay vẫn thấy ông P, bà T1 trồng dây lang, trồng rau trên thửa đất.

Người làm chứng Lê Văn T2 trình bày: Ông là hàng xóm của cả ông La Văn C và ông Nguyễn Văn P, bà Trần Thị T1. Ông có biết việc chuyển nhượng giữa hai bên nhưng không biết cụ thể, hàng ngày vẫn thấy gia đình ông P, bà T1 sử dụng thửa đất, ông P có rào bằng hàng rào bằng tre sát đường đi, đến năm 2020 mới xảy ra tranh chấp với ông N (con rể ông C).

Người làm chứng Nguyễn Văn C3 trình bày: Ông là hàng xóm của cả ông La Văn C và ông Nguyễn Văn P, bà Trần Thị T1, ngoài ra ông C3 là cháu họ, gọi ông La Văn C là cậu. Thời điểm hai bên chuyển nhượng và ông P, bà T1 thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông C3 là công chức địa chính xã H. Ông xác nhận có được ký nhận vào các giấy tờ để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận đất cho ông P, bà T1 và khẳng định quy trình cấp giấy đảm bảo đúng quy định pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Theo như đơn khởi kiện của ông La Văn C, có hai nội dung yêu cầu khởi kiện: Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Nguyễn Văn P, bà Trần Thị T1. Như vậy, Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng chưa đưa Ủy ban nhân dân thành phố và Văn phòng Đ1 chi nhánh thành phố C là vi phạm thủ tục tố tụng. Bên cạnh đó, theo quy định tại khoản 4 Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền của Tòa án đối với quyết định cá biệt thì thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng, vì vậy đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng chuyển hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng để giải quyết theo thẩm quyền.

Đối với nội dung tranh chấp, qua các tài liệu có trong hồ sơ có đủ căn cứ để xác định rằng: Theo giấy chuyển nhượng đất vườn đồi ngày 15/3/1997 giữa ông La Văn C (La Xuân K) và bà Trần Thị T1 có ghi nhận diện tích chuyển nhượng là 200m^2, xác định ba phía tiếp giáp Đ, T3, N3 và không có xác định tiếp giáp phía Bắc. Như vậy, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Nguyễn Văn P, bà Trần Thị T1 với 290m^2 là ko đúng. Không có căn cứ nào cho rằng diện tích dôi ra 90m^2 là do gia đình bà T1 được chuyển nhượng thêm từ ông La Văn C.

Về hợp đồng chuyển nhượng năm 1997 và năm 2005 đều không tuân thủ quy định của pháp luật về Hợp đồng chuyển nhượng, cả hai hợp đồng chỉ có hai bên, không có người làm chứng, việc xác nhận của người làm chứng không đảm

bảo theo quy định pháp luật. Do đó, giấy chuyển nhượng giữa ông C và bà T1 không đảm bảo về trình tự theo quy định. Hợp đồng chuyển nhượng ký ngày 04/10/2005, nhưng đến ngày 05/10/2005 địa chính xã và Ủy ban nhân dân xã H mới ký xác nhận là không đúng quy định.

Các tài liệu trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng từ đơn xin cấp giấy chứng nhận, biên lai thu lệ phí trước bạ, giấy nộp thuế trước bạ, tờ khai lệ phí trước bạ, hợp đồng chuyển nhượng, biên lai nộp thuế thu nhập cá nhân... đều ghi nhận là 200m^2 tại thời điểm thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận (năm 2005). Toàn bộ hồ sơ trên, ông C không biết và không ký các giấy tờ liên quan (xác nhận ranh giới tứ cận các bên, ông C không ủy quyền cho bà T1 thực hiện các thủ tục, kê khai hoặc nộp thay lệ phí...).

Trong khi đó, quy định của pháp luật đất đai: không cấp giấy chứng nhận lần đầu khi chuyển nhượng trong khi ông La Văn C chưa thực hiện thủ tục tách giấy chứng nhận mà lại cấp giấy chứng nhận lần đầu cho ông Nguyễn Văn P, bà Trần Thị T1 là không đúng. Các cơ quan có thẩm quyền đã vi phạm quy định pháp luật.

Luật sư cho rằng các cơ quan quản lý về đất đai đã nhầm lẫn về diện tích cấp giấy chứng nhận. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông La Văn C có diện tích 962m^2. Ngày 07/10/2019 Văn phòng Đ1 chi nhánh thành phố C có ghi vào phần những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận: Nhà nước thu hồi 473,2 m^2 đất. Diện tích còn lại là 488,6m^2, vậy là bao gồm cả diện tích 200m^2 chuyển nhượng cho bà T1.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho ông P, bà T1 là 290m^2, ngày 07/10/2009 Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh thành phố C ghi nội dung thay đổi: bị thu hồi 30,3m^2, diện tích còn lại là 259,7m^2. Đặt ra vấn đề tại sao diện tích sử dụng đất được cấp cho hộ ông P, bà T1 lại độc lập với diện tích của ông C (trong khi phải nằm trong Giấy chứng nhận của ông C). Như vậy, tồn tại một thửa đất được cấp hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do đó phải hủy Giấy chứng nhận quyền sử đất cấp cho hộ ông P, bà T1.

Đồng thời, theo công văn của Văn phòng Đ1, chi nhánh thành phố C không thể khẳng định được trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận cho hộ ông P, bà T1 có đúng hay không. Như vậy, Tòa án không có căn cứ để công nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông P, bà T1 là đúng. Chính vì lẽ đó, cần thiết phải đưa Ủy ban nhân dân thành phố C, Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh thành phố C tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Luật sư không đưa ra các nội dung chứng minh để đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn mà yêu cầu như sau:

+ Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng triệu tập người tham gia tố tụng là Ủy ban nhân dân thành phố C và Văn phòng Đ1 chi nhánh C.

+ Chuyển hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng để giải quyết vụ án theo thẩm quyền.

+ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có ông Nguyễn Văn C3 ký xác nhận do đó cần triệu tập ông Nguyễn Văn C3 đến tham gia tố tụng với tư cách

là người làm chứng để làm rõ.

Vụ án đã được hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 76/2022/DS-ST ngày 22/11/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đã quyết định:

- Áp dụng Điều 3, Điều 163, Điều 164, Điều 166, Điều 180, Điều 182, Điều 183, Điều 184, Điều 185 Bộ luật Dân sự.

Điều 105 Luật đất đai năm 2003;

Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

- Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng điểm đ khoản 12 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông La Văn C đối với tranh chấp quyền sử dụng đất với bà Trần Thị T1, ông Nguyễn Văn P.

Hộ bà Trần Thị T1, ông Nguyễn Văn P tiếp tục quản lý, sử dụng đối với thửa đất số 171a, tờ bản đồ 12 được ghi nhận trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp số AH 669162 ngày 15/10/2007 do Ủy ban nhân dân thị xã C cho hộ bà Trần Thị T1, ông Nguyễn Văn P.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/12/2023 nguyên đơn La Văn C (La Xuân K) có đơn kháng cáo không nhất trí với Bản án dân sự sơ thẩm số 76/2022/DS-ST ngày 22/11/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn La Văn C và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn Trần Thị T1, Nguyễn Văn P không nhất trí với kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn La Văn C, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Sau khi xem xét đơn kháng cáo; tài liệu chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của nguyên đơn La Văn C (La Xuân K) trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết.

Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ theo quy định tại khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, thụ lý và giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn La Văn C (La Xuân K) và bị đơn Trần Thị T1, Nguyễn Văn P là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm không thực hiện đúng quy định trong việc giao, gửi bản án cho đương sự theo khoản 2 Điều 269 BLTTDS: *"Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tuyên án, Tòa án phải giao hoặc gửi bản án cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát cùng cấp"*. Trong hồ sơ vụ án chỉ thể hiện việc Tòa án cấp sơ thẩm giao Bản án cho người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Tô Đình N, việc giao Bản án cho các đương sự khác không có Biên bản giao nhận thể hiện, làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, vi phạm thời hạn tố tụng, kéo dài thời gian giải quyết án, mặc dù chưa gây thiệt làm hại ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của đương sự, tuy nhiên cần nhắc nhở cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[2] Xét kháng cáo và căn cứ kháng cáo của nguyên đơn La Văn C (La Xuân K):

Tại đơn kháng cáo, nguyên đơn La Văn C đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 76/2022/DS-ST ngày 22/11/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng.

Lý do thứ nhất nguyên đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa UBND thành phố Cao Bằng và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh C tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng quy định tại khoản 3 Điều 34, khoản 6 Điều 68 BLTTDS năm 2015.

HĐXX xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, UBND thành phố C, Văn phòng Đ1 chi nhánh thành phố C (Căn cứ khoản 1 Điều 5 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ : Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đaiVăn phòng đăng ký đất đai là đơn vị sự nghiệp công trực thuộc Sở T) đã có văn bản trả lời về việc cung cấp thông tin liên quan đến việc giải quyết vụ án, Ủy ban nhân dân thành phố đã có ý kiến xin vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Tòa án cấp phúc thẩm mời UBND thành phố C tham gia tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm tuy nhiên phía UBND thành phố C do bận công tác nên xin xét xử vắng mặt, bảo lưu mọi ý kiến trước đây tại Tòa án sơ thẩm. Do đó, việc đưa UBND thành phố và Văn phòng đăng ký đất đai vào tham gia tố tụng là không cần thiết.

Lý do thứ hai nguyên đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 34 BLTTDS năm 2015, khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính, Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, giải quyết yêu cầu hủy Quyết định hành chính của UBND thành phố là trái thẩm quyền.

HĐXX xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm thấy rằng yêu cầu của nguyên đơn La Văn C là không có căn cứ, bởi việc chuyển nhượng đất giữa nguyên đơn và bị đơn là nguyên thửa, các điểm tứ cận tiếp giáp không có thay đổi, quá trình canh tác, sử dụng ổn định. Việc cấp GCNQSDĐ cho bà T1,

ông P được thực hiện đúng trình tự, thủ tục. Việc nguyên đơn cho rằng đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Tòa án cấp sơ thẩm phải chuyển hồ sơ lên Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng giải quyết là không có căn cứ, bởi yêu cầu của đương sự về việc hủy quyết định cá biệt trong vụ việc dân sự không phải là căn cứ để chuyển thẩm quyền giải quyết vụ án cho Tòa án cấp tỉnh. Khi Tòa án cấp huyện đang thụ lý, giải quyết vụ việc dân sự, cho dù có hay không có yêu cầu hủy quyết định cá biệt của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền thì Tòa án không được chuyển hồ sơ vụ án lên Tòa án cấp tỉnh, mà cần tiếp tục giải quyết vụ việc dân sự; trong quá trình thu thập, đánh giá chứng cứ, nếu có cơ sở xác định *"quyết định cá biệt trái pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự"* thì mới chuyển hồ sơ lên Tòa án cấp tỉnh có thẩm quyền để giải quyết; nếu không có căn cứ xác định quyết định cá biệt đó là "*trái pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự*" thì Tòa án cấp huyện tiếp tục giải quyết vụ việc dân sự theo thẩm quyền.

Lý do thứ ba nguyên đơn La Văn C cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng quy định tại Điều 94, Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

HĐXX xét thấy: Giấy chuyển nhượng viết tay ngày 15/3/1997 giữa ông La Văn C và bà Trần Thị T1, Hợp đồng chuyển nhượng ngày 04/10/2005 có chữ ký của công chức địa chính xã, có đóng dấu xác nhận của UBND xã H là giấy tờ hợp pháp trong hồ sơ cấp GCNQSDĐ. Tại Công văn số 84/CV-VPĐKCNTP ngày 28/3/2022 của Văn phòng Đ1 chi nhánh thành phố C cho rằng quá trình luân chuyển hồ sơ và bàn giao qua các thời kỳ nên hiện nay Văn phòng có lưu giữ tờ trình và danh sách các trường hợp đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không có bản đóng dấu của đơn vị thực hiện do vậy không đủ căn cứ để xác định trường hợp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho Trần Thị T1, Nguyễn Văn P có đúng trình tự, thủ tục hay không. Tuy nhiên tại công văn số 2707/CV-UBNS ngày 08/11/2022 của UBND thành phố C có trả lời như sau: *"...Ủy ban nhân dân thành phố C trả lời việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Trần Thị T1, ông Nguyễn Văn P là đúng trình tự thủ tục..."*

Với những phân tích nêu trên, có căn cứ để không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn La Văn C (La Xuân K) đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 76/2022/DS-ST ngày 22/11/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tại phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Nguyên đơn La Văn C (La Xuân K) là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148, khoản 1 Điều 157 BLTTDS; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và

lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn La Văn C

1. Giữ nguyên quyết định bản án dân sự sơ thẩm số 76/2022/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc ông La Văn C phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 5.700.000đ (Năm triệu bảy trăm nghìn đồng). Xác nhận ông C đã nộp đủ số tiền trên.

3. Về án phí phúc thẩm: Nguyên đơn La Văn C không phải nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- CCTHADS TP Cao Bằng;
- TAND TP Cao Bằng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Ngôn Ngọc Viên